

# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Ngày 20/7/2020, giá cà phê trên thị trường thế giới tăng so với ngày 10/7/2020.
- ▶ Giữa tháng 7/2020, giá cà phê tại thị trường nội địa tăng mạnh so với cuối tháng 6/2020.
- ▶ Xuất khẩu cà phê tháng 6/2020 giảm.

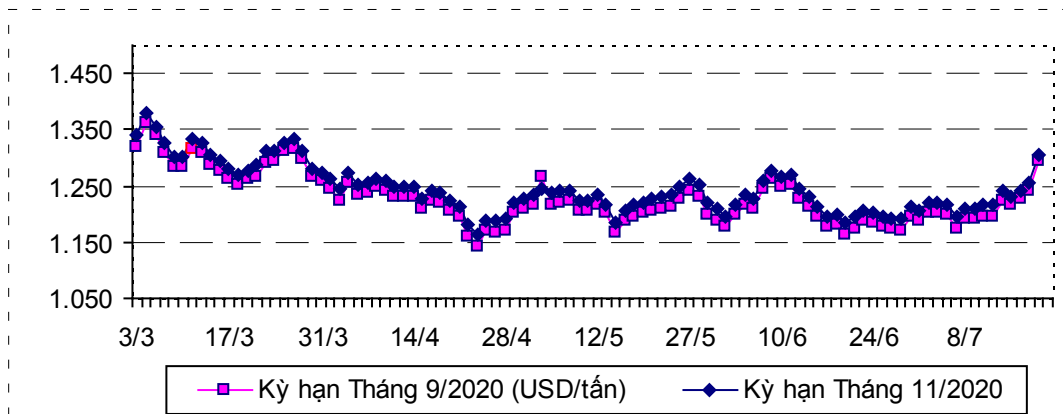
## THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong 10 ngày giữa tháng 7/2020, giá cà phê trên thị trường thế giới tăng so với ngày 10/7/2020. Cụ thể như sau:

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 20/7/2020 giá cà phê Robusta giao kỳ hạn

tháng 9/2020 và tháng 11/2020 tăng 8% và 7,4% so với ngày 10/7/2020, lên mức 1.293 USD/tấn và 1.305 USD/tấn; kỳ hạn giao tháng 1/2021 và tháng 3/2021 tăng 6,3% và 5,7% so với ngày 10/7/2020, lên mức 1.308 USD/tấn và 1.317 USD/tấn.

**Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn từ tháng 3/2020 đến nay**



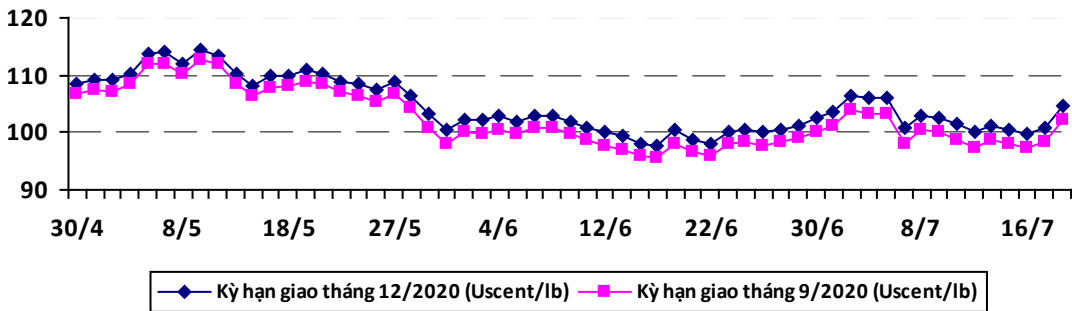
*Nguồn: Sàn giao dịch London*



+ Trên sàn giao dịch New York, giá cà phê Arabica tăng trở lại. Ngày 20/7/2020 giá cà phê Arabia giao kỳ hạn tháng 9/2020 và tháng 12/2020 tăng lần lượt 3,6% và 3,4% so với ngày 10/7/2020, lên mức 102,3 Uscent/lb và

104,8 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 3/2021 và tháng 5/2021 tăng lần lượt 3,2% và 2,9% so với ngày 10/7/2020, lên mức 106,85 Uscent/lb và 107,95 Uscent/lb.

### Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ cuối tháng 4/2020 đến nay



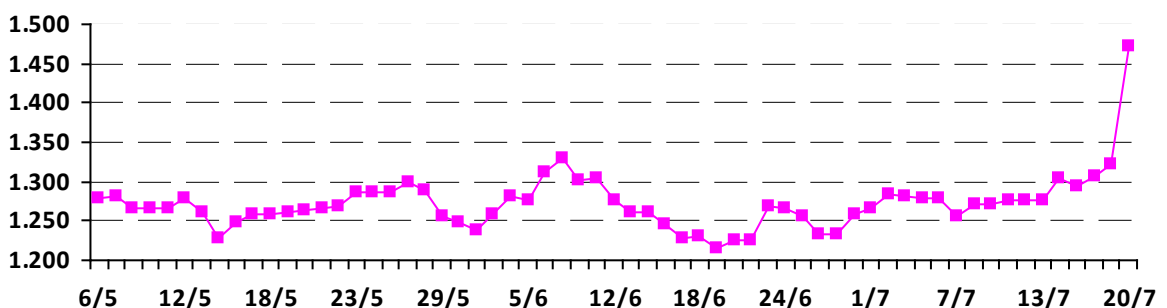
Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tăng. Ngày 20/7/2020, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2020 và tháng 12/2020 tăng lần lượt 1,8% và 1,2% so với ngày 10/7/2020, lên mức 108,4 Uscent/lb và 109,5 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 3/2021 và tháng 9/2021 tăng lần lượt 4,0% và 2,9% so với ngày 10/7/2020, lên mức 113,1 Uscent/lb và 119,7 Uscent/lb. Giá cà phê tại Bra-xin tăng do đồng Real tăng mạnh, trong khi thị trường chứng khoán

Hoa Kỳ giảm đã hỗ trợ cho hầu hết giá cả hàng hóa nông sản của Bra-xin, trong đó có mặt hàng cà phê.

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức giá 1.473 USD/tấn, cộng 180 USD/tấn, tăng mạnh 196 USD/tấn (tương đương mức tăng 15,3%) so với ngày 10/7/2020 và tăng 215 USD/tấn (tương đương mức tăng 17,1%) so với ngày 30/6/2020.

### Diễn biến giá cà phê Robusta xuất khẩu tại cảng khu vực TP.HCM đầu tháng 5/2020 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: <https://giacaphe.com>

Giá cà phê toàn cầu tăng do nhu cầu mua vào tăng. Tuy nhiên, xu hướng tăng giá khó có

thể duy trì lâu do tình hình dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, căng thẳng thương

mại Hoa Kỳ - Trung Quốc leo thang, tình hình địa chính trị bất ổn và nguồn cung cà phê đang trong trạng thái dư thừa.

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê niên vụ 2020/21 của Bra-xin dự báo được mùa, đạt 69 triệu bao; tồn kho cao do sức tiêu thụ giảm. Dịch Covid-19 khiến nhu cầu tiêu thụ cà phê trực tiếp tại các chuỗi quán, nhà hàng khách sạn và du lịch giảm khi tỷ lệ người thất nghiệp tăng cao, thu nhập

người tiêu dùng giảm.

Bra-xin đã thu hoạch khoảng 60% vụ mùa cà phê mới, chậm hơn so với niên vụ 2019/20 do dịch Covid-19. Trong khi cây cà phê vào năm cho sản lượng cao theo chu kỳ “hai năm một”. Điều này sẽ còn gây sức ép bán ra trong quý III/2020 do Bra-xin là nhà sản xuất cà phê lớn nhất thế giới và thường bán theo phương thức giao sau.

## TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ TĂNG

Giữa tháng 7/2020, giá cà phê tại thị trường nội địa tăng mạnh so với cuối tháng 6/2020. Ngày 20/7/2020, giá cà phê trong nước tăng cao nhất 5,9% tại huyện Đắc Hà tỉnh Kon Tum, lên mức 32.500 đồng/kg; mức

tăng thấp nhất là 4,8% tại huyện Ea H'leo và Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk, lên mức 32.500 đồng/kg. Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta loại R1 tăng 4,9%, lên mức 34.100 đồng/kg.

### Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 20/7/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 30/6/2020 (%)
<b>Tỉnh Lâm Đồng</b>		
Lâm Hà (Robusta)	32.000	5,3
Bảo Lộc (Robusta)	32.000	5,3
Di Linh (Robusta)	31.900	5,3
<b>Tỉnh Đắk Lắk</b>		
Cư M'gar (Robusta)	32.700	5,1
Ea H'leo (Robusta)	32.500	4,8
Buôn Hồ (Robusta)	32.500	4,8
<b>Tỉnh Gia Lai</b>		
Pleiku (Robusta)	32.400	5,2
Chư Prông (Robusta)	32.300	5,2
la Grai (Robusta)	32.400	5,2
<b>Tỉnh Đắk Nông</b>		
Gia Nghĩa (Robusta)	32.300	4,9
Đắk R'lấp (Robusta)	32.400	5,5
<b>Tỉnh Kon Tum</b>		
Đắc Hà (Robusta)	32.500	5,9
<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
R1	34.100	4,9

Nguồn: Tintaynguyen.com

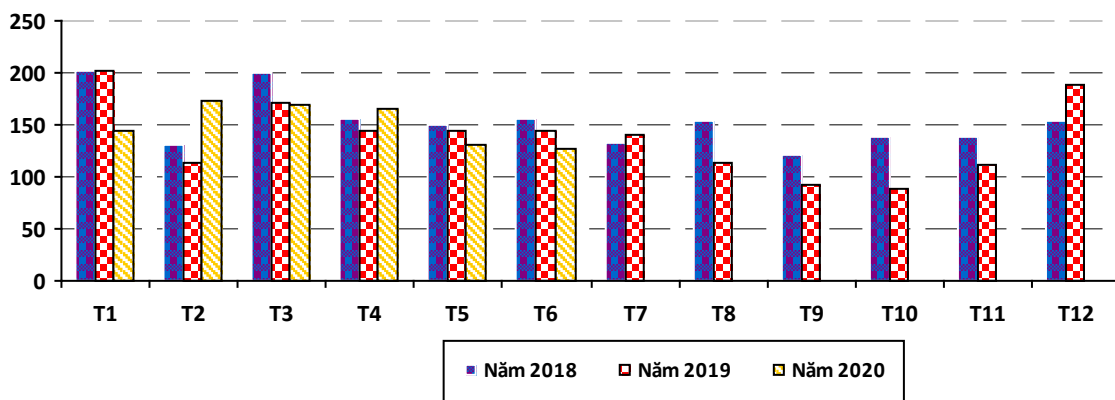
## GIÁ XUẤT KHẨU BÌNH QUÂN CÀ PHÊ THÁNG 6/2020 TĂNG

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê tháng 6/2020 đạt 127,7 nghìn tấn, trị giá 217,69 triệu USD, giảm 2% về lượng và giảm 1,3% về trị giá so với tháng 5/2020, so với tháng 6/2019 giảm

11,5% về lượng và giảm 9,9% về trị giá. Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê tăng 2,2% về lượng và tăng 1,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 941 nghìn tấn, trị giá 1,59 tỷ USD.

### Lượng cà phê xuất khẩu qua các tháng năm 2018 - 2020

(ĐVT: nghìn tấn)

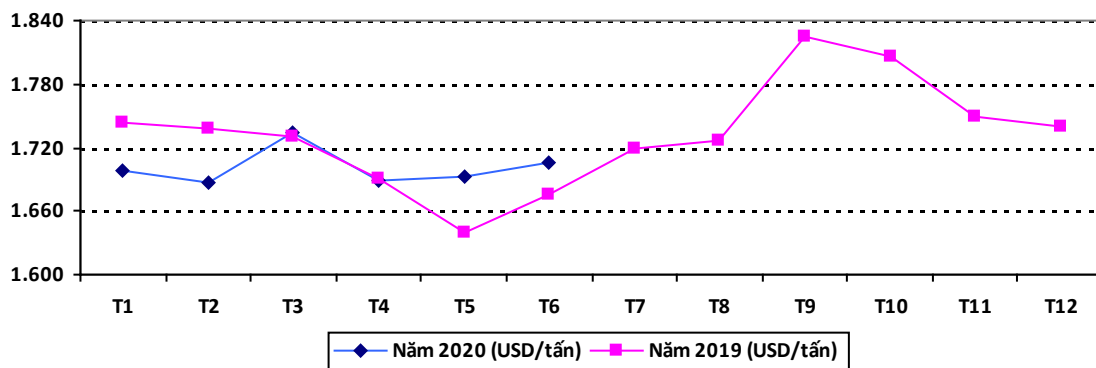


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê đạt mức 1.705 USD/tấn, tăng 0,7% so với tháng 5/2020 và tăng 1,8% so với tháng 6/2019. Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm

2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2019, xuống mức 1.690 USD/tấn.

### Giá xuất khẩu bình quân cà phê qua các tháng năm 2019 - 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê sang một số thị trường tăng so với tháng 5/2020 và tăng so với tháng 6/2019, như: Xin-ga-po, I-xra-en, Niu-Di-lân, Ca-na-đa, Hoa Kỳ, Hà Lan. Ngược lại, giá xuất khẩu bình

quân cà phê sang các thị trường giảm, gồm: Lào, Ba Lan, Phi-líp-pin, Nga.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê sang một số thị trường tăng so với cùng kỳ năm 2019, như: Lào tăng

0,9%, lên mức 4.663 USD/tấn; Mi-an-ma tăng 2,1%, lên mức 3.951 USD/tấn; Niu-Di-lân tăng 16%, lên mức 2.092 USD/tấn; Ca-na-đa tăng 7,8%, lên mức 1.942 USD/tấn; Ba Lan

tăng 7,2%, lên mức 2.197 USD/tấn. Ngược lại, giá xuất khẩu bình quân cà phê sang một số thị trường giảm, gồm: Xin-ga-po, I-xra-en, Hàn Quốc, Căm-pu-chia, Phi-líp-pin, Nga.

### Giá xuất khẩu bình quân cà phê sang 10 thị trường đạt mức cao tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Giá XKBQ tháng 6/2020 (USD/tấn)	So với tháng 5/2020 (%)	So với tháng 6/2019 (%)	Giá XKBQ 6 tháng 2020 (USD/tấn)	So với 6 tháng năm 2019 (%)
Xin-ga-po	4.703	58,1	47,6	3.179	-5,1
Lào	3.988	-15,9	-16,9	4.663	0,9
Mi-an-ma	3.953	-5,6	4,1	3.951	2,1
I-xra-en	2.991	27,7	12,7	2.312	-4,2
Căm-pu-chia	2.720	18,1	-14,1	2.623	-17,0
U-crai-na	2.485	-1,0	24,0	2.062	0,8
Trung Quốc	2.268	5,4	-6,1	2.296	0,0
Niu-Di-Lân	2.244	25,2	21,2	2.092	16,0
Ba Lan	2.240	-8,5	-15,7	2.197	7,2
Ca-na-đa	2.068	5,8	6,0	1.942	7,8

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Tháng 6/2020, lượng cà phê xuất khẩu sang một số thị trường chính giảm so với tháng 6/2019, gồm: Đức, Ý, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Nga, Thái Lan. Ngược lại, xuất khẩu cà phê sang các thị trường tăng, như: Nhật Bản, Phi-líp-pin, Bỉ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang các thị trường Đức, Nhật Bản, An-giê-ri, Thái Lan tăng, xuất khẩu sang các thị trường giảm, gồm: Ý, Hoa Kỳ, Phi-líp-pin, Tây Ban Nha, Nga.

Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê sang thị trường Ba Lan trong tháng 6/2020 ghi nhận mức tăng lên đến 113,1% về lượng và tăng 79,6% về trị giá so với tháng 6/2019, đạt 1,15 nghìn tấn, trị giá 2,58 triệu USD. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang Ba Lan tăng 43,3% về lượng và tăng 53,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 10,72 nghìn tấn, trị giá 23,55 triệu USD.

### 10 thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 6/2020		So với tháng 6/2019 (%)		6 tháng năm 2020		So với 6 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Đức	17.123	25.934	-32,6	-33,1	151.412	228.093	11,2	6,5
Nhật Bản	11.322	18.614	23,1	21,4	59.791	103.116	17,7	18,2
Ý	11.071	16.685	-5,1	-8,3	79.939	124.586	-2,2	-4,9
Hoa Kỳ	9.837	18.754	-4,0	14,0	78.985	142.959	-11,5	-2,8
Phi-líp-pin	8.712	16.995	18,4	0,3	40.785	85.788	-6,4	-13,2

Thị trường	Tháng 6/2020		So với tháng 6/2019 (%)		6 tháng năm 2020		So với 6 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tây Ban Nha	8.014	13.160	-25,2	-19,0	66.179	106.881	-2,2	-0,6
Nga	6.897	12.798	-5,3	-7,6	43.884	82.050	-4,3	-4,6
An-giê-ri	6.719	10.305	1,8	-1,6	38.552	58.810	4,1	-1,6
Bỉ	5.880	8.730	60,0	50,2	45.732	74.796	16,2	20,1
Thái Lan	4.694	7.007	-17,9	-19,8	18.471	30.202	6,8	3,0

*Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan*

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ ANH TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu cà phê của Anh trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 82,43 nghìn tấn, trị giá 333,3 triệu USD, giảm 13,2% về lượng và giảm 12% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 4 tháng đầu năm 2020, Anh giảm nhập khẩu hầu hết các chủng loại cà phê, nhưng tăng nhập khẩu cà phê Arabica hoặc Robusta chưa rang, đã khử chất cafein

(HS 090112) với mức tăng 9,6% về lượng và 5,9% về trị giá so với 4 tháng đầu năm 2019, đạt 2,68 nghìn tấn, trị giá 9,29 triệu USD.

Anh nhập khẩu chủ yếu chủng loại cà phê Arabica hoặc Robusta chưa rang, khử chất cafein (HS 090111), lượng đạt 59,37 nghìn tấn, trị giá 156,14 triệu USD trong 4 tháng đầu năm 2020, giảm 15,9% về lượng và giảm 14,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

### Chủng loại cà phê nhập khẩu của Anh trong 4 tháng đầu năm 2020

Mã HS	4 tháng năm 2020		So với 4 tháng năm 2019 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	4 tháng năm 2020	4 tháng năm 2019
090111	59.371	156.143	-15,9	-14,4	72,0	74,3
090121	18.102	151.140	-5,5	-10,5	22,0	20,2
090112	2.681	9.295	9,6	5,9	3,3	2,6
090190	1.374	6.515	-21,5	-7,5	1,7	1,8
090122	901	10.263	-12,3	-12,9	1,1	1,1

*Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của ITC*

Giá nhập khẩu bình quân cà phê của Anh trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 4.044 USD/tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Anh từ một số nguồn cung tăng, như: Bra-xin tăng 18%, lên mức 2.779 USD/tấn; Cô-lôm-bi-a tăng 6,5%, lên mức 3.754 USD/tấn; Ý tăng 11,4%, lên mức 5.937 USD/tấn; In-đô-nê-xi-a

tăng 36,9%, lên mức 3.438 USD/tấn. Ngược lại, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Anh từ các nguồn cung lớn khác giảm, như: Việt Nam giảm 4%, xuống 1.806 USD/tấn; Hon-đu-rát giảm 0,2%, xuống 2.911 USD/tấn; Đức giảm 1,8%, xuống 7.904 USD/tấn; Tây Ban Nha giảm 17,4%, xuống 4.804 USD/tấn.

## 10 nguồn cung cà phê lớn nhất cho Anh trong 4 tháng đầu năm 2020

Thị trường	4 tháng năm 2020			So với 4 tháng năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
<b>Tổng</b>	<b>82.428</b>	<b>333.356</b>	<b>4.044</b>	<b>-13,2</b>	<b>-12,0</b>	<b>1,3</b>
Việt Nam	24.613	44.463	1.806	9,1	4,8	-4,0
Bra-xin	12.043	33.465	2.779	-37,6	-26,4	18,0
Hon-đu-rát	5.400	15.717	2.911	-6,9	-7,1	-0,2
Đức	5.042	39.857	7.904	-15,9	-17,4	-1,8
Tây Ban Nha	5.009	24.063	4.804	42,2	17,5	-17,4
Cô-lôm-bi-a	4.832	18.137	3.754	-29,1	-24,5	6,5
Pháp	3.672	52.292	14.239	-2,4	-14,3	-12,3
Ý	3.444	20.447	5.937	-2,4	8,7	11,4
Hà Lan	2.365	11.874	5.022	-38,4	-43,6	-8,5
In-đô-nê-xi-a	1.921	6.603	3.438	-65,1	-52,2	36,9
Thị trường khác	14.086	66.438	4.717	-1,7	-0,2	1,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của ITC

Việt Nam và Bra-xin là hai nguồn cung cà phê lớn nhất cho thị trường Anh. Trong 4 tháng đầu năm 2020, Anh tăng nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, nhưng giảm mạnh nhập khẩu từ Bra-xin.

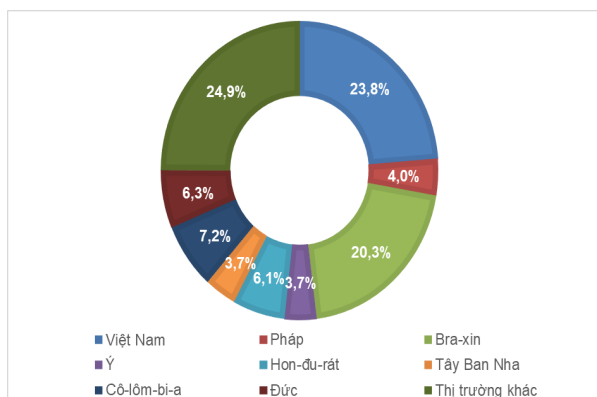
Theo ITC, nhập khẩu cà phê của Anh từ Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 24,6 nghìn tấn, trị giá 44,46 triệu USD, tăng 9,1% về lượng và tăng 4,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Anh tăng mạnh từ 23,8% trong 4 tháng đầu

năm 2019, lên 29,9% trong 4 tháng đầu năm 2020.

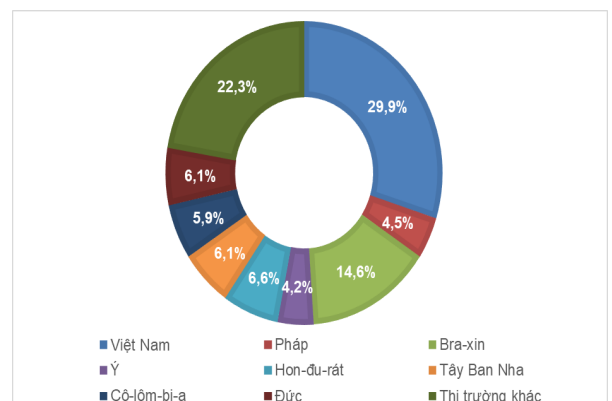
4 tháng đầu năm 2020, Anh giảm mạnh nhập khẩu cà phê từ Bra-xin với mức giảm 37,6% về lượng và giảm 26,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 12 nghìn tấn, trị giá 33,46 triệu USD. Thị phần cà phê của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Anh giảm mạnh từ mức 20,3% trong 4 tháng đầu năm 2019, xuống còn 14,6% trong 4 tháng đầu năm 2020.

### Cơ cấu nguồn cung cà phê cho Anh (% tính theo lượng)

#### 4 tháng đầu năm 2019



#### 4 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của ITC